BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Số: 397/QĐ-CĐGTVTTW V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản số 396/BB-CĐGTVTTW V họp ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **218** sinh viên nghề Công nghệ ô tô, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

STT	Lớp	Số SV tốt nghiệp	Trong đó		
			Xuất sắc	Giỏi	Khá
1	CĐ18CÔ1	18	0	02	14
2	CĐ18CÔ2	12	0	0	08
3	CĐ18CÔ3	18	0	01	13
4	CĐ18CÔ4	22	0	02	18
5	CĐ18CÔ5	23	0	02	17
6	CĐ18CÔ6	19	0	01	10
7	CĐ18CÔ7	23	0	02	16
8	CĐ18CÔ9	17	0	02	13
9	CĐ18CÔ10	19	0	02	09
10	CĐ18CÔ11	13	0	0	11
11	CĐ18CK1	34	0	07	27
Tổng số		**218**	0	**21**	**156**

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HS-SV, Phòng Tài chính- Kế toán; Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Nguyễn Thị Phương Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 4/2021

(Kèm theo Quyết định số 397/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (184 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ18CÔ1 - 18 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216104	RMAH	BLUT	01/01/1998	Nam	Gia Lai	87	Tốt	79	79	0	3.33	Giỏi	
2	186510216121	RMAH-	Hiếu	12/4/2000	Nam	Gia Lai	85	Tốt	79	79	0	3.22	Giỏi	
3	186510216144	Lê Hoài	Sáng	12/7/2000	Nam	Bình Định	90	Xuất sắc	79	79	0	3.11	Khá	
4	186510216134	Lê Phước	Long	05/7/2000	Nam	Gia Lai	82	Tốt	79	79	0	2.95	Khá	
5	186510216127	Nguyễn Hữu	Huynh	23/11/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.94	Khá	
6	186510216112		Đức	10/09/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
7	186510216125	Nguyễn Minh	Huy	24/01/2000	Nam	Đắk Lắk	78	Khá	79	79	0	2.89	Khá	
8	186510216119	Nguyễn Phước	Hiếu	17/12/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	2.84	Khá	
9	186510216140	Nguyễn Đình	Niên	19/4/2000	Nam	Hà Tĩnh	84	Tốt	79	79	0	2.84	Khá	
10	186510216137	Trần Việt	Nam	27/7/2000	Nam	Đắk Lắk	79	Khá	79	79	0	2.82	Khá	
11	186510216111	Đỗ Văn	Duẩn	26/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	2	2.78	Khá	
12	186510216114	Hồ Tấn	Duy	04/9/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	2	2.75	Khá	
13	186510216106	Đinh Công	Chính	29/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	0	2.70	Khá	
14	186510216132	Đặng Thành	Long	15/6/2000	Nam	Gia Lai	82	Tốt	79	79	1	2.69	Khá	
15	186510216105	Lâm Quang	Cảnh	27/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	0	2.64	Khá	
16	186510216113	Văn	Dũng	24/11/1998	Nam	Hà Tĩnh	76	Khá	79	79	3	2.52	Khá	
17	186510216142	Đinh Văn	Quý	05/5/2000	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	0	2.45	Trung bình	
18	186510216108	Lê Tự	Cường	24/01/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	3	2.18	Trung bình	

2. LỚP CĐ18CÔ2 - 12 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi c
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216207	Nguyễn Thành	Đức	10/5/2000	Nam	Kon Tum	81	Tốt	79	79	1	3.04	Khá	
2	186510216245	Hoàng Minh	Trọng	05/4/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	0	2.94	Khá	
3	186510216237	Đặng Hữu	Thanh	09/10/2000	Nam	Hải Hưng	80	Tốt	79	79	0	2.82	Khá	
4	186510216247	Lê Quốc	Trung	21/9/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	1	2.81	Khá	
5	186510216252	Phạm Lê Anh	Tuấn	30/5/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	2	2.81	Khá	
6	186510216242	Trần Ngọc	Tiến	13/6/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	2	2.72	Khá	
7	186510216239	Lê Tự	Thành	20/4/2000	Nam	Đắk Lắk	79	Khá	79	79	2	2.58	Khá	
8	186510216231	Nguyễn Quốc	Phong	28/8/2000	Nam	Ninh Bình	79	Khá	79	79	1	2.51	Khá	
9	186510216220	Trương Trường	Lâm	02/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	5	2.38	Trung bình	
10	186510216203	Trương Nhứt	Can	22/10/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	4	2.36	Trung bình	
11	186510216228	Ngô Quang	Nhật	04/4/2000	Nam	Gia Lai	77	Khá	79	79	2	2.32	Trung bình	
12	186510216210	Trần Công	Hậu	28/02/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	3	2.24	Trung bình	

3. LỚP CĐ18CÔ3 - 18 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi ch
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216322	Ngô Quang	Huy	26/8/2000	Nam	Gia Lai	94	Xuất sắc	79	79	0	3.51	Giỏi	
2	186510216328	Nguyễn Hoàng	Long	17/10/2000	Nam	Đắk Lắk	86	Tốt	79	79	0	3.18	Khá	
3	186510216318	Phạm Ngọc	Dũng	25/01/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	3.03	Khá	
4	186510216317	Nguyễn Văn	Đủ	26/4/2000	Nam	Thừa Thiên Huế	74	Khá	79	79	1	2.96	Khá	
5	186510216329	Cù Duy	Long	23/6/2000	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	79	79	0	2.95	Khá	
6	186510216335	Võ Trọng	Quý	25/12/2000	Nam	Bình Định	77	Khá	79	79	0	2.94	Khá	
7	186510216320	Lương Văn	Duy	04/01/1999	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	2	2.75	Khá	
8	186510216316	Nguyễn Văn	Điệp	02/5/2000	Nam	Gia Lai	76	Khá	79	79	0	2.73	Khá	
9	186510216319	Đinh Tiến	Dũng	13/11/2000	Nam	Đắk Lắk	74	Khá	79	79	0	2.71	Khá	
10	186510216311	Nguyễn Văn	Đạt	19/10/2000	Nam	Gia Lai	89	Tốt	79	79	1	2.70	Khá	
11	186510216301		A Bưk	18/02/1999	Nam	Kon Tum	73	Khá	79	79	0	2.65	Khá	
12	186510216310	Nguyễn Tiến	Đại	09/10/2000	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	0	2.57	Khá	
13	186510216338	Phan Linh	Tâm	06/5/2000	Nam	Kon Tum	78	Khá	79	79	1	2.57	Khá	
14	186510216304	Ngô Vũ	Bảo	04/3/2000	Nam	Đắk Lắk	76	Khá	79	79	2	2.54	Khá	
15	186510216324	Trần Tuấn	Kỳ	13/9/2000	Nam	Quảng Trị	74	Khá	79	79	2	2.49	Trung bình	
16	186510216326	Đỗ Quang	Linh	01/6/1999	Nam	Quảng Bình	75	Khá	79	79	4	2.43	Trung bình	
17	186510216332	Nguyễn Hữu	Phong	30/11/1999	Nam	Gia Lai	74	Khá	79	79	2	2.41	Trung bình	
18	186510216331	Nguyễn Văn	Ninh	01/5/2000	Nam	Gia Lai	74	Khá	79	79	0	2.34	Trung bình	

4. LỚP CĐ18CÔ4 - 22 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi c
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216416	Lê Công	Hậu	01/01/2000	Nam	Quảng Bình	83	Tốt	79	79	0	3.36	Giỏi	
2	186510216410	Vũ Tiến	Dũng	28/8/2000	Nam	Ninh Bình	83	Tốt	79	79	0	3.20	Giỏi	
3	186510216420	Lê Văn	Hưng	31/5/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	0	3.15	Khá	
4	186510216429	Phạm Duy	Nam	02/10/2000	Nam	Kon Tum	87	Tốt	79	79	0	3.14	Khá	
5	186510216428	Phạm Thành	Nam	04/10/2000	Nam	Bình Phước	75	Khá	79	79	1	3.05	Khá	
6	186510216440	Nguyễn Mai	Quân	24/02/2000	Nam	Hà Tĩnh	83	Tốt	79	79	0	3.02	Khá	
7	186510216418	Nguyễn Việt	Hoàng	07/5/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.93	Khá	
8	186510216441	Nguyễn Hữu	Quý	20/4/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.90	Khá	
9	186510216447	Nguyễn Nghiêm	Thanh	10/4/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	2.89	Khá	
10	186510216442	Lê Văn	Quyền	20/8/2000	Nam	Kon Tum	87	Tốt	79	79	1	2.84	Khá	
11	186510216430	Lê Trọng	Nghĩa	09/11/1998	Nam	Kon Tum	82	Tốt	79	79	0	2.83	Khá	
12	186510216424	Trần Tuấn	Khải	09/12/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
13	186510216403	Nguyễn Văn	Anh	10/10/2000	Nam	Quảng Trị	83	Tốt	79	79	0	2.76	Khá	
14	186510216431	Nguyễn Tấn	Ngoan	04/4/2000	Nam	Đắk Lắk	84	Tốt	79	79	0	2.76	Khá	
15	186510216411	Vũ Tùng	Dương	16/12/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	0	2.72	Khá	
16	186510216436	Hồ Ngọc	Phong	19/11/2000	Nam	Đắk Lắk	82	Tốt	79	79	0	2.70	Khá	
17	186510216432	Trần Thái	Nguyên	19/02/1996	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.68	Khá	
18	186510216438	Vương Hưng	Phú	11/5/2000	Nam	Đắk Lắk	84	Tốt	79	79	0	2.61	Khá	
19	186510216421	Nguyễn Văn	Huy	09/10/2000	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	2.55	Khá	
20	186510216426	Lê Bá	Lộc	01/01/2000	Nam	Quảng Trị	74	Khá	79	79	0	2.51	Khá	
21	186510216427	Trương Quang	Long	14/10/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	0	2.49	Trung bình	
22	186510216446	Nguyễn Chí	Thanh	02/02/1998	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	1	2.49	Trung bình	

5. LỚP CĐ18CÔ5 - 23 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi c
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216561	Đỗ Hoàng	Phúc	19/01/2000	Nam	Gia Lai	84	Tốt	79	79	0	3.25	Giỏi	
2	186510216536	Nguyễn Hữu	Thắng	30/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	86	Tốt	79	79	0	3.24	Giỏi	
3	186510216504	Trần Tuấn	Anh	17/01/1999	Nam	Quảng Bình	81	Tốt	79	79	0	3.10	Khá	
4	186510216534	Nay	Tangel	26/3/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	0	3.03	Khá	
5	186510216554	Võ Tấn	Đạt	14/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	0	2.97	Khá	
6	186510216509	Đoàn Văn	Đồng	05/12/2000	Nam	Nam Định	77	Khá	79	79	0	2.96	Khá	
7	186510216502	Hoàng Kim	Anh	22/8/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	0	2.93	Khá	
8	186510216505	Lê Đình	Bảo	24/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	0	2.91	Khá	
9	186510216506	Trần Văn	Danh	12/5/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	0	2.86	Khá	
10	186510216503	Nguyễn Tiến	Anh	22/9/2000	Nam	Kon Tum	75	Khá	79	79	0	2.75	Khá	
11	186510216528	Mai Hồng	Phong	21/9/2000	Nam	Kon Tum	92	Xuất sắc	79	79	0	2.71	Khá	
12	186510216530	Võ Quang	Sang	26/5/2000	Nam	Quảng Bình	81	Tốt	79	79	0	2.66	Khá	
13	186510216556	Huỳnh Công	Nam	30/10/2000	Nam	Bình Định	73	Khá	79	79	0	2.65	Khá	
14	186510216557	Phạm Văn	Hãi	28/7/1999	Nam	Quảng Bình	77	Khá	79	79	0	2.63	Khá	
15	186510216563	Nguyễn Đình	Nguyên	04/7/1997	Nam	Kon Tum	76	Khá	79	79	1	2.61	Khá	
16	186510216540	Nguyễn Quang	Trường	28/12/2000	Nam	Đăk Lắk	83	Tốt	79	79	0	2.61	Khá	
17	186510216507	Đặng Quang	Đạt	29/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	0	2.59	Khá	
18	186510216546	Võ Thế	Vũ	16/12/2000	Nam	Quảng Nam	77	Khá	79	79	0	2.52	Khá	
19	186510216522	Võ Văn	Lân	07/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	79	79	0	2.51	Khá	
20	186510216512	Trương Việt	Hoàng	23/3/2000	Nam	Gia Lai	78	Khá	79	79	0	2.48	Trung bình	
21	186510216501		A Tri	17/05/2000	Nam	Kon Tum	78	Khá	79	79	2	2.44	Trung bình	
22	186510216559	Đoàn Mạnh	Quý	02/02/2000	Nam	Hà Tĩnh	76	Khá	79	79	1	2.26	Trung bình	
23	186510216552	Trương Quang	Thanh	14/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	79	79	2	2.23	Trung bình	

6. LỚP CĐ18CÔ6 - 19 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi c
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216616	Trịnh Tấn	Hiệp	15/10/2000	Nam	Gia Lai	85	Tốt	79	79	0	3.33	Giỏi	
2	186510216639	Nguyễn Thành	Sáng	23/4/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.16	Khá	
3	186510216657	Thái Thanh	Vỹ	02/02/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.03	Khá	
4	186510216609	Võ Văn	Dư	28/5/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
5	186510216645	Đinh Vũ Anh	Thi	20/5/2000	Nam	Kon Tum	81	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
6	186510216617	Lê Phương	Hiếu	03/10/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	1	2.71	Khá	
7	186510216601	Nguyễn Việt	Hoàng	21/11/2000	Nam	Đà Nẵng	81	Tốt	79	79	1	2.57	Khá	
8	186510216662	Đặng Ngọc	Vỹ	20/06/1996	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	0	2.57	Khá	
9	186510216652	Đào Quang	Hiển	23/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	2	2.54	Khá	
10	186510216629	Đặng Nhật	Minh	13/11/2000	Nam	Kon Tum	79	Khá	79	79	0	2.52	Khá	
11	186510216643	Trần Văn	Tài	21/8/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	0	2.51	Khá	
12	186510216613	Nguyễn Ngọc	Hân	12/01/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.47	Trung bình	
13	186510216614	Nguyễn Viết	Hảo	27/6/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	79	79	0	2.47	Trung bình	
14	186510216665	Nguyễn Công	Hảo	11/8/2000	Nam	Bình Định	79	Khá	79	79	1	2.44	Trung bình	
15	186510216615	Nguyễn Văn	Hảo	16/4/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	2	2.37	Trung bình	
16	186510216618	Phạm Ngọc	Hiếu	10/7/2000	Nam	Quảng Bình	79	Khá	79	79	2	2.37	Trung bình	
17	186510216649	Hà Đức	Tiềm	28/7/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.21	Trung bình	
18	186510216671	Nguyễn Phước	Thắng	08/7/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	2	2.14	Trung bình	
19	186510216623	Hoàng Anh	Kiệt	14/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	3	2.13	Trung bình	

7. LỚP CĐ18CÔ7 - 23 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi...
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216738	Nguyễn Văn	Dũng	26/4/1999	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	0	3.24	Giỏi	
2	186510216743	Nông Đình	Hiệp	24/6/2000	Nam	Đăk Lắk	82	Tốt	79	79	0	3.21	Giỏi	
3	186510216702	Nguyễn Anh	Đức	30/7/1999	Nam	Quảng Bình	95	Xuất sắc	79	79	1	3.19	Khá	
4	186510216704	Bùi Quang	Dũng	12/10/2000	Nam	Kon Tum	88	Tốt	79	79	1	3.03	Khá	
5	186510216701	Hoàng Văn Tuấn	Song	22/12/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	1	2.86	Khá	
6	186510216741	Nguyễn Quang	Duy	24/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	87	Tốt	79	79	0	2.77	Khá	
7	186510216703	Lê Thành	Đức	21/01/2000	Nam	Kon Tum	85	Tốt	79	79	0	2.74	Khá	
8	186510216714	Đinh Công	Nghĩa	23/01/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	0	2.74	Khá	
9	186510216720	Trần Quang	Thiên	21/5/2000	Nam	Quảng Bình	82	Tốt	79	79	0	2.72	Khá	
10	186510216717	Nguyễn Văn	Quyền	17/6/2000	Nam	Đăk Lắk	80	Tốt	79	79	0	2.69	Khá	
11	186510216739	Nguyễn Mạnh	Dũng	25/5/1999	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	1	2.66	Khá	
12	186510216742	Phan Tấn	Hậu	14/02/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.66	Khá	
13	186510216736	Lê Như	Quỳnh	19/10/2000	Nam	Quảng Trị	81	Tốt	79	79	0	2.66	Khá	
14	186510216723	Bùi Văn	Tình	30/7/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	1	2.59	Khá	
15	186510216745	Nguyễn Huy	Hoàng	17/5/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	0	2.56	Khá	
16	186510216728	Lưu Đặng Công	Tuân	09/5/1999	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	3	2.55	Khá	
17	186510216713	Nguyễn Văn	Long	25/7/2000	Nam	Đà Nẵng	73	Khá	79	79	0	2.53	Khá	
18	186510216705	Lương Hoàng	Duy	04/02/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	1	2.51	Khá	
19	186510216715	Nguyễn Minh	Nguyên	15/10/2000	Nam	Đà Nẵng	83	Tốt	79	79	3	2.43	Trung bình	
20	186510216727	Võ Lam	Trường	16/02/2000	Nam	Kon Tum	80	Tốt	79	79	2	2.42	Trung bình	
21	186510216706	Nguyễn Đức	Duy	20/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	5	2.39	Trung bình	
22	186510216725	Huỳnh Ngọc	Trí	28/4/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	1	2.33	Trung bình	
23	186510216711	Nguyễn Văn	Huy	17/11/2000	Nam	Bình Định	78	Khá	79	79	2	2.30	Trung bình	

8. LỚP CĐ18CÔ9 - 17 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216716	Phan Văn	Quý	30/9/2000	Nam	An Giang	91	Xuất sắc	79	79	0	3.53	Giỏi	
2	186510216351	Trịnh Quang	Tú	14/11/2000	Nam	Gia Lai	92	Xuất sắc	79	79	0	3.36	Giỏi	
3	186510216354	Trần Hoài	Vân	18/7/2000	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	79	79	0	2.99	Khá	
4	186510216158	Trần Minh	Vũ	25/02/2000	Nam	Bình Định	75	Khá	79	79	0	2.96	Khá	
5	186510216355	Trần Hữu	Vinh	19/01/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	0	2.91	Khá	
6	186510216359	Hồ Tấn	Dũng	22/9/2000	Nam	Đắk Lắk	78	Khá	79	79	0	2.86	Khá	
7	186510216156	Phan Minh	Tuấn	10/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	1	2.86	Khá	
8	186510216348	Nguyễn Duy	Trường	18/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	79	79	1	2.85	Khá	
9	186510216102	Bùi Ngọc	Anh	18/11/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	1	2.81	Khá	
10	186510216149	Nguyễn Văn	Thuyết	12/10/1999	Nam	Đắk Lắk	80	Tốt	79	79	1	2.75	Khá	
11	186510216150	Trần Minh	Tiến	22/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	87	Tốt	79	79	0	2.65	Khá	
12	186510216350	Võ Văn	Trường	22/4/2000	Nam	Đà Nẵng	78	Khá	79	79	2	2.65	Khá	
13	186510216146	Nguyễn Văn	Thạch	03/6/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	79	79	0	2.59	Khá	
14	186510216343	Phạm Trung	Tiến	02/01/2000	Nam	Kon Tum	76	Khá	79	79	2	2.59	Khá	
15	186510216344	Phạm Duy	Tiến	16/02/2000	Nam	Đắk Lăk	75	Khá	79	79	1	2.50	Khá	
16	186510216160	Nguyễn Quang	Huy	25/01/1999	Nam	Gia Lai	78	Khá	79	79	1	2.43	Trung bình	
17	186510216154	Hồ Văn	Truyền	27/5/2000	Nam	Quảng Trị	77	Khá	79	79	0	2.32	Trung bình	

9. LỚP CĐ18CÔ10 - 19 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL	
1	186510216543	Nguyễn Văn	Vệ	17/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	79	79	0	3.28	Giỏi
2	186510216453	Nguyễn Đức	Trung	25/10/2000	Nam	Quảng Trị	92	Xuất sắc	79	79	0	3.26	Giỏi
3	186510216459	Hồ Ngọc	Việt	25/5/1999	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	79	79	0	3.06	Khá
4	186510216752	Nguyễn Văn	Quang	18/7/1999	Nam	Gia Lai	93	Xuất sắc	79	79	0	2.99	Khá
5	186510216537	Đặng Đức	Thành	17/12/2000	Nam	Gia Lai	81	Tốt	79	79	0	2.92	Khá
6	186510216517	Lý Quang	Khánh	01/01/2000	Nam	Quảng Trị	78	Khá	79	79	1	2.79	Khá
7	186510216541	Đặng Văn	Tuấn	07/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	79	79	0	2.75	Khá
8	186510216753	Võ Thanh	Quốc	31/5/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	2	2.72	Khá
9	186510216448	Lê Văn	Thu	25/01/2000	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	79	79	2	2.63	Khá
10	186510216464	Hồ Văn	Công	16/11/1999	Nam	Quảng Trị	75	Khá	79	79	0	2.58	Khá
11	186510216513	Phan Văn	Hùng	25/12/2000	Nam	Quảng Trị	76	Khá	79	79	5	2.55	Khá
12	186510216761	Bùi Hữu	Tuấn	11/3/1999	Nam	Đăk Lắk	77	Khá	79	79	0	2.43	Trung bình
13	186510216764		Y' Sao	01/01/2000	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	1	2.41	Trung bình
14	186510216755	Hoàng Hữu	Thắng	26/8/2000	Nam	Đăk Lắk	73	Khá	79	79	5	2.41	Trung bình
15	186510216454	Nguyễn Thành	Trung	24/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	82	Tốt	79	79	0	2.36	Trung bình
16	186510216519	Đặng Ngọc	Khuê	07/6/1999	Nam	Quảng Nam	75	Khá	79	79	1	2.34	Trung bình
17	186510216545	Phạm Võ Bảo	Việt	04/12/2000	Nam	Kon Tum	71	Khá	79	79	5	2.30	Trung bình
18	186510216535	Bạch Thanh	Thắng	06/8/2000	Nam	Bình Định	72	Khá	79	79	5	2.16	Trung bình
19	186510216527	A Lăng	Nghim	12/8/2000	Nam	Quảng Nam	75	Khá	79	79	3	2.09	Trung bình

10. LỚP CĐ18CÔ11 - 13 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	G:
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216269	Nguyễn Tấn	Tiến	01/01/2000	Nam	Quảng Nam	88	Tốt	79	79	0	3.09	Khá	
2	186510216646	Võ Duy	Thi	11/2/2000	Nam	Quảng Nam	85	Tốt	79	79	0	3.08	Khá	
3	186510216650	Trần	Tìn	19/6/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	2	3.05	Khá	
4	186510216628	Nguyễn Hoàng	Minh	12/4/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	3	2.89	Khá	
5	186510216656	Phạm Tấn	Vũ	19/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	79	79	3	2.89	Khá	
6	186510216644	Nguyễn Chiến	Thắng	11/01/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	79	79	0	2.78	Khá	
7	186510216638	Trần Thái Đình	Sang	15/7/1999	Nam	Kon Tum	79	Khá	79	79	2	2.67	Khá	
8	186510216249	Võ Quang	Trường	23/10/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	3	2.61	Khá	
9	186510216660	Lê Quang	Sanh	10/01/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	79	79	2	2.56	Khá	
10	186510216255	Diệp Quốc	Vinh	11/11/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	4	2.56	Khá	
11	186510216654	Dương Hiền	Tuấn	23/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	3	2.54	Khá	
12	186510216624	Nguyễn Nhật	Lân	21/3/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	3	2.47	Trung bình	
13	186510216257	Đặng Ngọc	Trọng	13/10/1999	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	2	2.44	Trung bình	

II. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ-LỚP CĐ18CK1 (34 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510201161	Hoàng Thiện	Tín	01/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	1	3.60	Giỏi	
2	186510201116	Huỳnh Văn	Hiếu	18/3/2000	Nam	Quảng Nam	94	Xuất sắc	78	78	0	3.45	Giỏi	
3	186510201144	Trần Tiến	Trung	06/7/1999	Nam	Quảng Nam	91	Xuất sắc	78	78	0	3.45	Giỏi	
4	186510201152	Võ Đình	An	22/5/2000	Nam	Quảng Trị	80	Tốt	78	78	0	3.42	Giỏi	
8	186510201109	Nguyễn Xuân	Dũng	27/10/2000	Nam	Quảng Nam	83	Tốt	78	78	0	3.32	Giỏi	
9	186510201127	Đinh Văn	Nì	27/8/2000	Nam	Quảng Ngãi	91	Xuất sắc	78	78	0	3.31	Giỏi	
10	186510201147	Bùi Xuân	Tuấn	21/02/2000	Nam	Quảng Nam	84	Tốt	78	78	0	3.29	Giỏi	
5	186510201204	Lê Văn	Tiến	01/4/1998	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	78	78	1	3.40	Khá	
6	186510201159	Lê Minh	Phụng	06/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	1	3.38	Khá	
7	186510201168	Phạm Đức	Cường	03/12/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	78	78	1	3.33	Khá	
11	186510201150	Phạm Hồng	Tuyên	11/12/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	78	78	1	3.19	Khá	
12	186510201102	Nguyễn Hoàng	Anh	08/4/2000	Nam	Quảng Trị	82	Tốt	78	78	0	3.17	Khá	
13	186510201107	Cao Tiến	Đạt	18/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	84	Tốt	78	78	0	3.15	Khá	
14	186510201164	Lê Đình	Tôn	15/5/2000	Nam	Bình Định	80	Tốt	78	78	2	3.14	Khá	
15	186510201132	Nguyễn Thanh	Quang	20/12/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	78	78	0	3.12	Khá	
16	186510201158	Trần Hoàng	Nam	15/3/2000	Nam	Quảng Trị	79	Khá	78	78	3	3.11	Khá	
17	186510201163	Nguyễn Quốc	Toàn	09/01/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	78	78	1	3.11	Khá	
18	186510201126	Tống Minh	Nhân	01/10/2000	Nam	Quảng Ngãi	83	Tốt	78	78	0	3.05	Khá	
19	186510201118	Trần Quốc	Khánh	08/7/2000	Nam	Gia Lai	86	Tốt	78	78	0	3.04	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
20	186510201142	Tạ Ngọc Hoàng	Tín	05/9/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	78	78	0	3.04	Khá	
21	186510201106	Trần Sỹ	Đan	21/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	78	78	0	3.03	Khá	
22	186510201101	Trần Hồ Ngọc	Truyền	20/11/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	0	3.01	Khá	
23	186510201165	Phan Văn	Trường	05/7/2000	Nam	Quảng Trị	81	Tốt	78	78	2	3.00	Khá	
24	186510201151	Lê Tấn	Vương	30/3/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	3	2.98	Khá	
25	186510201166	Hồ Kim	Vũ	23/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	4	2.95	Khá	
26	186510201156	Nguyễn Ngọc	Dũng	04/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	78	78	4	2.92	Khá	
27	186510201138	Võ Đình	Thiện	02/01/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	78	78	0	2.91	Khá	
28	186510201201	Hồ Xuân	Hoan	27/4/2000	Nam	Bình Định	78	Khá	78	78	3	2.90	Khá	
29	186510201105	Trần Thanh	Đạc	20/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	80	Tốt	78	78	0	2.88	Khá	
30	186510201125	Đỗ Hữu Quốc	Lộc	01/01/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	78	78	0	2.85	Khá	
31	186510201111	Huỳnh Văn	Hải	26/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	78	78	0	2.75	Khá	
32	186510201157	Dương Nhị	Kha	14/3/2000	Nam	Quảng Nam	76	Khá	78	78	3	2.73	Khá	
33	186510201129	Phạm Văn	Phong	26/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	73	Khá	78	78	1	2.66	Khá	
34	186510201162	Nguyễn Duy	Toàn	29/11/2000	Nam	Kon Tum	76	Khá	78	78	3	2.66	Khá	